

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2019/TLST-VDS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn B, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 399 ấp 3, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Đỗ Thị C, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: 399 ấp 3, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị C chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh B và chị C chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Vì vậy, anh, chị không sống chung với nhau đã 04 năm nay.

Hiện tại, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B và chị C yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị C có 02 con chung là Phạm Quốc N, sinh ngày 30/11/1994 và Phạm Minh T, sinh ngày 08/6/1996. Các con đều đã trưởng thành nên không đề cập vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

Anh B và chị C cùng khai thống nhất là không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí:

Anh B và chị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Do anh B và chị C thỏa thuận mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh, chị đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của người yêu cầu, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị C có 02 con chung là Phạm Quốc N, sinh năm: 1994 và Phạm Minh T, sinh năm: 1996. Các con đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên anh B và chị C không đề cập vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị C không có tài sản chung, không có nợ chung.

- *Về lệ phí:* Anh Phạm Văn B chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002230 ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh B đã nộp đủ lệ phí.

Chị Đỗ Thị C chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002231 ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện G;
- UBND xã TĐ;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang